

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 59/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/3/2018

V/v: " Xin ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Vĩnh Mậu

- Bà Phạm Thị Tuyết Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường – Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B.

Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2017/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2017, về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 312/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1965(Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Nguyễn Sanh T, sinh năm 1967. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2017, các bản khai và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn trình bày: Giữa chị và anh Nguyễn Sanh T do mai mối và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh B ngày 07/10/1987. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm, trong khoảng thời gian này anh T chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình đầy đủ. Sau đó vợ chồng sống không hạnh phúc từ 1998 đến nay, vì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do anh Nguyễn Sanh T không lo làm ăn mà chỉ lo bài bạc, không có trách nhiệm với con cái, chị và gia đình đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn tính nết đó không chịu thay đổi mà cứ mãi ham chơi bài bạc rồi bán hết tài sản trong nhà, nhiều lần thế xe, lấy vàng đi bán thế chấp để đánh bài. Nay

chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tân.

Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung tên Nguyễn Sanh C, sinh ngày 29/01/1988; NNguyễn Thị A, sinh ngày 01/5/1991; Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/02/1996; Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/7/1997, các con đã trưởng thành tự lo cuộc sống của mình nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Chị B không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng. Ngoài ra chị B không khai và không yêu cầu gì khác.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản thủ tục tố tụng hợp lệ, nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt, không đến Tòa cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh B :

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ vào các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B, về con chung vì các con của anh chị đã trưởng thành và tài sản chung chị B không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Mặc dù anh T đã được tổng đạt lợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án, nhưng anh Nguyễn Sanh T vẫn vắng mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Nguyễn Sanh T, thì thấy rằng hôn nhân giữa chị và anh T do mai mối nên đi đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh B ngày 07/10/1987 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị B và anh T trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn kéo dài từ 1998 đến nay. Nguyên nhân do anh T không lo làm ăn mà chỉ lo bài bạc, không có trách nhiệm với con cái, chị và gia đình đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn tính nết tật đó không chịu thay đổi mà cứ mãi ham chơi bài bạc rồi bán hết tài sản trong nhà, khi chị nói thì anh dùng những lời lẽ bất cần. Nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tân. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T có ký nhận thủ tục tố tụng của Tòa án và qua xác minh anh T vẫn còn đang sống cùng gia đình với chị B tại A, P, T, B; việc Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng anh đều biết nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa, không có ý kiến trình bày bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó Hội đồng xét xử chỉ xét câu của chị B xin ly hôn với anh T là có căn cứ

phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ nuôi con chung: Giữa chị và anh T có 04 con chung tên Nguyễn Sanh C, sinh ngày 29/01/1988; Nguyễn Thị A, sinh ngày 01/5/1991; Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/02/1996; Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/7/1997 các con đã trưởng thành, chị B không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

Về quan hệ tài sản chung: Chị B không yêu cầu giải quyết, quá trình chị và anh T sống chung không nợ ai cũng không ai nợ mình, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí DSST: Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn sung vào ngân sách nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007046 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B được khấu trừ vào án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh B là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B ly hôn anh Nguyễn Sanh T.

Về quan hệ nuôi con chung: Giữa chị B và anh T có 04 con chung tên Nguyễn Sanh C, sinh ngày 29/01/1988; Nguyễn Thị A, sinh ngày 01/5/1991; Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/02/1996; Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/7/1997, hiện các con đã trưởng thành tự nuôi sống bản thân, chị B không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

Về quan hệ tài sản chung: Chị B không yêu cầu giải quyết, quá trình chị B và anh T sống chung không nợ ai cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí DSST: Buộc chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn sung vào công quỹ nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007046, ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B được khấu trừ vào tiền án phí.

Chị B có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09/3/2018), anh T vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã P.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các bên đương sự
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Phòng GDKT TAND tỉnh B .
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán–Chủ Tọa Phiên Tòa

